

Bản án số: 49/2024/HNGD-ST

Ngày: 29 - 02 - 2024

“V/v: ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hoàng

Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Thanh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1393/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Trần Đ, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh B, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thùy Tr, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 12/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Ngô Trần Đ trình bày:

Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2020 ông và bà Trần Thị Thùy Tr đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/12/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là

do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay ông Đức xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên ông Đức yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tr.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống ông và bà Tr có 01 con chung tên Ngô Trần Gia Linh, sinh ngày 07/8/2021, hiện con chung đang sống với bà Trang. Khi ly hôn, ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia Linh, không yêu cầu bà Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Ngô Trần Đ xác định ông và bà Tr không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Ngô Trần Đ xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cùng ngày 21 tháng 12 năm 2023 bị đơn là bà Trần Thị Thùy Tr trình bày: bà Tr thống nhất với ý kiến trình bày của ông Ngô Trần Đ về thời gian quen biết, điều kiện kết hôn, con chung và tình trạng hôn nhân như ông Đ trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà Tr cho rằng giữa bà và ông Đ không có mâu thuẫn gì trầm trọng, bà chỉ mâu thuẫn với gia đình chồng và do con còn nhỏ, bà còn tình cảm với ông Đ nên không đồng ý ly hôn mà xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng chăm lo cho con.

Về nuôi con chung: Bà và ông Đ có 01 con chung tên Ngô Trần Gia Linh, sinh ngày 07/8/2021, hiện con chung đang sống với bà Tr. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đ thì bà Tr đề nghị Tòa án cho bà Tr được nuôi con chung và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: bà Tr xác định bà và ông Đ có tài sản chung là căn nhà mới xây trị giá 580.000.000đồng và các vật dụng trong nhà gồm: tủ lạnh, máy lạnh. Khi ly hôn bà Trang đề nghị được chia đôi tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Trần Thị Thùy Tr xác định vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn là bà Trần Thị Thùy Tr được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng bà Trang vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Ngô Trần Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Trần Thị Thùy Tr hiện đang cư trú tại: ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông Ngô Trần Đ và bà Trần Thị Thùy Tr chung sống có đăng ký kết hôn ngày 30/12/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà Tr là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn bà Trần Thị Thùy Tr được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng bà Tr vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà Thảo theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của ông Ngô Trần Đ và yêu cầu đoàn tụ của bà Trần Thị Thùy Tr thấy rằng: ông Đ và bà Tr phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân, hiện nay tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa ông Đ và bà Trang đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của ông Đ là có căn cứ, phù hợp quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: xét ông Đ và bà Tr có 01 con chung tên Ngô Trần Gia Linh, sinh ngày 07/8/2021, hiện con chung đang sống với bà Tr, thấy rằng, cháu Gia Linh sinh ngày 07/8/2021 còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), hiện đang sống cùng bà Trang và cần sự chăm sóc của mẹ để đảm bảo sự phát triển về thể chất, tinh thần nên cần để bà Trang tiếp tục nuôi con chung là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/ tháng, thấy rằng bà Tr không cung cấp tài liệu, chứng cứ minh về thu nhập của ông Đ, tại phiên tòa ông Đ không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung vì ông không có thu nhập ổn định, cuộc sống khó khăn nên ông không có khả năng cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà Tr, tuy nhiên theo quy định

thì cha mẹ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, vậy nên ông Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để đáp ứng các điều kiện vật chất tối thiểu, phát triển bình thường cho con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[7] Xét về tài sản chung: Ông Đ cho rằng ông và bà Tr không có tài sản chung. Quá trình giải quyết vụ án bà Tr cho rằng bà và ông Đ có tài sản chung gồm căn nhà trị giá 580.000.000 đồng và các vật dụng trong nhà gồm: tủ lạnh, máy lạnh. Khi ly hôn bà Tr đề nghị được chia đôi tài sản chung. Tuy nhiên, Tòa án có ấn định thời hạn để bà Tr nộp đơn yêu cầu chia tài sản nhưng bà Tr không thực hiện nên không có cơ sở để xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[8] Về nợ chung: Ông Đ và bà Tr xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: ông Đức là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông Đức còn phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Trần Đ đối với bà Trần Thị Thùy Tr.

1. Về hôn nhân: ông Ngô Trần Đ được ly hôn với bà Trần Thị Thùy Tr.

2. Về con chung: bà Trần Thị Thùy Tr được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Ngô Trần Gia Linh, sinh ngày 07/8/2021, hiện con chung đang sống với bà Trang. Ông Ngô Trần Đức có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng) từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: ông Đ và bà Tr, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về nợ chung: Ông Đ và bà Tr xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Ngô Trần Đ phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng về cấp dưỡng nuôi con sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005614 ngày 12/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Ông Ngô Trần Đ còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ

7. Về quyền yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- CC. THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vụ